

Bản án số: 08 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 04 - 2020

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Bích Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Chiểu**
Bà **Kiều Thị Ninh**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 04 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST- HNGĐ ngày 31/03/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị L**, sinh năm 1996; có mặt.

Địa chỉ: Xóm 1 Quyết Tiến, xã ĐQ, huyện TS, Tỉnh Phú Thọ

- *Bị đơn:* Anh **Đỗ Đình N**, sinh năm 1984; vắng mặt.

Địa chỉ: Cụm 1, xã HT, huyện PT, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai tiếp theo tại Tòa án, chị Triệu Thị L trình bày: Chị đăng ký kết hôn cùng anh **Đỗ Đình N** là người quê quán tại xã Hiệp Thuận, huyện PT, Thành phố Hà Nội vào ngày 14/09/2015 tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Việc đăng ký kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục tập quán, chị về sống chung cùng anh N và gia đình. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, nguyên nhân do chị và anh N không đồng nhất quan điểm sống nên thường xảy ra cãi nhau, không những thế anh N còn hay uống rượu về nhà đánh chửi chị. Bố mẹ anh N cũng như anh chị em ruột của anh N đã nhiều lần khuyên bảo anh N và động viên chị cố gắng chịu đựng, nhưng anh N không thay đổi mà ngày càng đối xử không tốt và không có tình cảm với chị. Vì vậy, chị thấy rằng không thể tiếp tục chịu đựng để sống chung cùng anh N được nên khoảng cuối tháng 4 năm 2019, hôm đó anh N chửi và đuổi chị nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay

không về sống chung cùng anh N nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung cùng anh N được nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Theo chị được biết hiện nay anh N đang sống chung cùng bố mẹ đẻ tại Cụm 1, xã HT, huyện PT nhưng anh N không đến Tòa án để giải quyết mà anh N nói với chị tự làm đơn thì tự giải quyết chứ anh không đến Tòa án. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật.

Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung là Đỗ Đình Tuấn T, sinh ngày 20/03/2016. Hiện nay cháu đang sống chung cùng anh N. Nguyên vọng của chị muốn được nuôi con nhưng do anh N không cho chị đón và không đồng ý cho chị được nuôi con nên chị đồng ý giao con cho anh N nuôi. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài việc xin ly hôn anh N, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết gì khác.

Do anh Đỗ Đình N không đến Tòa án nên Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hoà giải được.

- Tại Biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị N1 là mẹ đẻ anh N, trình bày: Năm 2015 gia đình bà tổ chức cưới vợ cho con trai bà là Đỗ Đình N lấy chị Triệu Thị L là người quê ở Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị L về sống chung cùng gia đình bà tại Cụm 1, xã HT, huyện PT. Thời gian đầu vợ chồng anh N sống chung với nhau bình thường, do anh N là người không khéo léo và có thói cửa miệng hay chửi Đ.mẹ chị L nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Tháng 3 năm 2019 chị L tự bỏ nhà đi, từ đó không về nhà bà và không quan tâm đến con cái. Vợ chồng anh N chị L có 01 con chung là Đỗ Đình Tuấn T, sinh ngày 20/03/2016, hiện nay cháu đang ở cùng bà và anh N. Đến nay, chị L xin ly hôn anh N, bà mong muốn Tòa án phân tích để chị L hiểu về nuôi con. Đối với anh N hiện nay đi làm thợ xây ở địa phương, thu nhập một ngày được 250.000đ.

Tại phiên tòa, chị Triệu Thị L kiên quyết xin được ly hôn anh Đỗ Đình N vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung, do anh N và gia đình không đồng ý cho chị đón và nuôi con, sau đó giữa chị và anh N đã gặp gỡ thỏa thuận anh N nuôi con nên chị đồng ý để anh N được tiếp tục nuôi con, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ. Về tài sản chung và nợ không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Triệu Thị L và anh Đỗ Đình N được ly hôn. Về con chung giao cháu Đỗ Đình Tuấn T cho anh N nuôi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ.

chị L có quyền nghĩa vụ thăm non con chung, không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ: Không có.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của chị Triệu Thị L. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã giao các Văn bản tố tụng, giấy triệu tập hợp lệ cho anh Đỗ Đình N, nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh N đều vắng mặt nên Toà án không tiến hành lấy lời khai và không hoà giải được. Vì vậy, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện PT ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên toà, anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Đỗ Đình N.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị L và anh Đỗ Đình N kết hôn hợp pháp, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện PT vào ngày 14/09/2015. Quá trình sống chung, chị L và anh N đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân, theo chị L thì do vợ chồng không hợp nhau nên anh N thường hay uống rượu về nhà đánh chửi chị, nhiều lần như vậy nên chị không chịu đựng được và đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 4 năm 2019. Theo mẹ đẻ anh N thì do anh N sống không khéo lại hay có câu chửi cửa miệng đối với chị L nên vợ chồng thường xảy ra cãi nói nhau.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, chị L kiên quyết xin ly hôn anh N vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Phía anh N vắng mặt nhưng theo lời khai của bà Nguyễn Thị N1 là mẹ đẻ anh N xác nhận chị L và anh N sống chung đã xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Cũng theo lời khai của bà Triệu Thị Hà là mẹ đẻ chị L cho biết quan điểm của bà cũng đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn anh N vì trong thời gian sống chung cùng anh N, chị L quá khổ nên chị phải về nhà bà ở từ tháng 4 năm 2019 đến nay không về sống chung cùng anh N nữa.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Triệu Thị L và anh Đỗ Đình N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị L được ly hôn anh N.

- Về con chung: Chị Triệu Thị L và anh Đỗ Đình N có 01 con chung là Đỗ Đình Tuấn T, sinh ngày 20/3/2016, chị L đề nghị giao con cho anh N tiếp tục nuôi, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N mỗi tháng 2.000.000đ.

Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay cháu T đang sống chung cùng anh N và gia đình, cuộc sống của cháu ổn định. Theo lời khai của bà N1 và xác minh tại địa phương xã HT, huyện PT nơi anh N đang sinh sống thì anh N làm nghề thợ xây và đi làm tại địa phương, công thợ xây trung bình từ 200.000đ đến 300.000đ/một ngày. Theo chị L thì anh N và gia đình không cho chị đón và nuôi con, hiện nay chị L đang đi làm thuê xa nhà nên không có thời gian chăm sóc con. Để cuộc sống của cháu T không bị xáo trộn nên tiếp tục giao cháu T cho anh N nuôi là phù hợp. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị Triệu Thị L.

- Về tài sản chung và nợ: Chị L khai không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trường hợp nếu anh N có yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

- Về án phí: Chị Triệu Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51,56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án .

Xử:

+ Chị Triệu Thị L được ly hôn anh Đỗ Đình N.

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ Đình Tuấn T, sinh ngày 20/3/2016 cho anh N nuôi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N mỗi tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), kể từ tháng 5 năm 2020 đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Chị Triệu Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ: Chị L xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị Triệu Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005990 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội. Chị L còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Chị Triệu Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Đỗ Đình N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phỳ Thọ;
- THADS huyện Phỳ Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÁN TÒA